

Bản án số: 1167/2024/HC-PT

Ngày: 29 - 10 - 2024

V/v “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Vũ Đức Toàn

Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 719/2024/TLPT-HC ngày 21 tháng 8 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 23/2024/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3042/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phạm Thị G, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường C, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Người bị kiện:

1/Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

2/Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hoài H - Chức vụ: Phó Chủ tịch

(có mặt);

Địa chỉ: Số I, đường C, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Hồ Văn K - Chức vụ: Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang (có mặt);

- Ông Nguyễn Thanh T - Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- Ông Huỳnh Hoài Á - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố N, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- Ông Ngô Văn Đ - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Ủy ban nhân dân tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H1 - Chức vụ: Phó Chủ tịch.

Địa chỉ: Số B, đường H, phường E, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân tỉnh H: Ông Phạm Minh P – Phó giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H (có mặt).

2/Ông Bạch Thế A;

3/Bà Phạm Thị Bảo Q;

Cùng địa chỉ: Số I, đường H, khu vực V, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang).

- Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Phạm Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 24/10/2023 của người khởi kiện bà Phạm Thị G trình bày:

Bà Phạm Thị G là chủ sử dụng phần đất tại thửa số: 52, 95 và 197; tờ bản đồ số: 31 + 35; tổng diện tích: 1.605,2m²; phần đất tọa lạc tại: Khu V, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang. Trên phần đất có 02 căn nhà cấp 4 do chủ cũ xây dựng trước đó và được Ủy ban nhân dân thành phố N chứng nhận số 68/UBND-CN vào ngày 05/11/2021 mang biển số là: I đường H, khu V, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang. Toàn bộ phần đất trên nằm trong dự án khu đô thị M, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

Quá trình sử dụng đất, bà G nhận được Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 01/08/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị M phường N, thành phố N thu hồi toàn bộ phần đất trên của bà. Cùng thời gian trên, bà G nhận được Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 01/08/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu

Giang về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Khu đô thị M, phường N, thành phố N. Trong đó, gia đình bà G được nhận số tiền là: 1.083.968.788 đồng (trong đó: Bồi thường, hỗ trợ về đất: 670.842.880 đồng; bồi thường, hỗ trợ nhà, công trình: 404.485.908 đồng; bồi thường, hỗ trợ về cây trồng: 1.640.000 đồng và các khoản hỗ trợ khác: 7.000.000 đồng).

Không đồng ý việc thu hồi đất và phê duyệt trên, bà G làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang theo quy định của Luật khiếu nại năm 2011.

Ngày 05/10/2023, Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số: 1725/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho gia đình bà G với số tiền: 142.466.040 đồng.

Ngày 21/10/2023, bà G nhận được Quyết định số: 1911/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc giải quyết khiếu nại của bà G với nội dung:

“Không chấp nhận các nội dung khiếu nại của bà Phạm Thị G, do không có cơ sở xem xét cụ thể: Yêu cầu nâng giá đất bồi thường; hỗ trợ về nhà và công trình 100% giá trị; yêu cầu xem xét bố trí tái định cư.

Đối với nội dung khiếu nại yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số: 1725/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu đô thị M với số tiền là: 142.466.040 đồng.

Đối với nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường về cây trồng giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố phối hợp với các đơn vị liên quan và bà Phạm Thị G lập phương án bồi thường tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt bổ sung theo quy định.

Giữ nguyên Quyết định số: 1368/QĐ-UBND ngày 01/08/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị M, phường N, thành phố N”.

Nhận thấy, việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thành phố N có vi phạm pháp luật về thời gian thông báo thu hồi đất, dự án không nằm trong danh mục cần thu hồi đất năm 2023 và chưa được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua theo quy định; dự án trên là giao cho tư nhân thực hiện, nhưng khi thu hồi đất thì Ủy ban nhân dân thành phố lại áp giá bồi thường, chứ không để doanh nghiệp thoả thuận với người bị thu hồi đất là không đúng; giá bồi thường về đất chưa đảm bảo quyền lợi của người bị thu hồi đất; công trình, vật kiến trúc bồi thường chưa thoả đáng; cây trồng thì không bồi thường và không bố trí tái định cư là chưa đúng quy định; việc làm trên là không đúng với quy định và bà G không đồng ý.

Vì vậy, bà G khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét:

- Hủy Quyết định số 1352/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Khu đô thị M, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang;

- Hủy một phần Quyết định số: 1368/QĐ-UBND ngày 01/08/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị M, phường N, thành phố N;

- Hủy một phần Quyết định số: 1725/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Khu đô thị M, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang;

- Hủy Quyết định số: 1911/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị G.

Ngày 31/12/2023, bà Phạm Thị G có đơn khởi kiện bổ sung, bà G trình bày: Sau khi bà khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang thì đến ngày 01/11/2023 Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang ban hành thêm Quyết định số 2004/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án Khu đô thị M, phường N, thành phố N cho bà với số tiền áp giá trị cây trồng là 39.360.000 đồng.

Nhận thấy, Quyết định số 2004/QĐ/UBND ngày 01/11/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố N chỉ phê duyệt 01 phần cây trồng của bà khi kiểm kê, không bồi thường toàn bộ cây trồng trên đất khi thu hồi đất và quyết định trên cũng không đảm bảo quyền lợi của gia đình bà. Do đó, để đảm bảo việc giải quyết vụ kiện được khách quan, đúng pháp luật, triệt để và đảm bảo quyền lợi của bà, nay bà làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xem xét giải quyết hủy Quyết định số: 2004/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án: Khu đô thị M, phường N, thành phố N.

Theo Văn bản nêu ý kiến số 86/UBND-TCD ngày 26/01/2024 của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang và Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang trình bày:

1/Thực hiện dự án Khu đô thị M, phường N, thành phố N trường hợp của bà Phạm Thị G.

1.1/Việc thu hồi đất dự án Khu đô thị M Ủy ban nhân dân thành phố đã thực hiện đúng thời gian theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Luật đất đai năm 2013, cụ thể:

Ngày 10/5/2022, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch số 88/KH-UBND về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện dự án: Khu đô thị M, phường N, thành phố N.

Ngày 16/5/2022, Phòng T1 phối hợp với các cơ quan và UBND phường N tiến hành triển khai thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án: Khu đô thị M,

phường N, thành phố N (ông Bạch Thế A đại diện bà Phạm Thị G nhận Thông báo).

Ngày 19/5/2022, Phòng T1 có Văn bản số 279/PTNMT về việc thông báo thu hồi đất để đầu tư thực hiện dự án Khu đô thị M, phường N, thành phố N đến Trung tâm V.

1.2/Dự án Khu đô thị M, phường N, thành phố N được thông qua theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 10/3/2021 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về việc bổ sung danh mục công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích Quốc gia, công cộng cần thu hồi đất và các công trình, dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa (dưới 10ha) trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và nằm trong danh mục công trình, dự án thực hiện trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2022, 2023 theo các Quyết định sau:

- Quyết định số 2640/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh H về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

- Quyết định số 2241/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh H về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

1.3/Dự án Khu đô thị mới số 4 do Công ty TNHH P2 đầu tư, tuy nhiên, theo Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 quy định về thẩm quyền thu hồi đất như sau:

1/Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây:

a) Thu hồi đất đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

b) Thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn.

2/Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất trong các trường hợp sau đây:

a) Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư;

b) Thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam.

3/Trường hợp trong khu vực thu hồi đất có cả đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi đất hoặc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất.

Như vậy việc thu hồi đất thực hiện dự án Khu đô thị M do Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện thu hồi đất là đúng thẩm quyền thu hồi đất theo Luật Đất đai năm 2013.

1.4/Về áp giá bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất đã thực hiện đúng theo quy định như sau:

- Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

- Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh H sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khu nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H;

- Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh H về việc phê duyệt lại hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất dự án: Khu đô thị M, phường N, thành phố N.

2/ Kết quả đối với trường hợp của bà Phạm Thị G

Theo Quyết định số 1368/QĐ-UBND bà Phạm Thị G được bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền là 1.083.968.788 đồng trong đó:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất: 670.842.880 đồng;
- Bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình: 404.485.908 đồng;
- Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng: 1.640.000 đồng;
- Các khoản hỗ trợ khác: 7.000.000 đồng;

* Giá đất bồi thường

Theo Quyết định số 1368/QĐ-UBND bà Phạm Thị G bị thu hồi với tổng diện tích 1.605,2m² mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm gồm các thửa đất số 52, 95 (đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), thửa đất số 197 (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) được bồi thường về đất với số tiền là 670.842.880 đồng.

Qua thẩm tra hồ sơ và xác minh thực tế đất của bà G bị ảnh hưởng dự án là đất trồng cây lâu năm và tất cả các vị trí đất đã được phê duyệt cụ thể như sau: Đất trồng cây lâu năm Đường bê tông 2,5m cặp Kênh đào vị trí 1 giá 856.000 đồng/m²; Đất trồng cây lâu năm đường bê tông 2,5m cặp Kênh đào vị trí 2 giá 513.600 đồng/m²; Đất trồng cây lâu năm đường bê tông 2,5m cặp Kênh đào vị trí 3 giá 342.400 đồng/m²; Đất trồng cây lâu năm trong phạm vi thực hiện dự án giá 260.000 đồng/m².

* Bồi thường toàn bộ cây trồng:

- Theo Quyết định số 1368/QĐ-UBND bà Phạm Thị G được bồi thường về cây trồng, với số tiền là 1.640.000 đồng.

- Theo Quyết định số 2004/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái

định cư dự án: Khu đô thị M, bà Phạm Thị G được bồi thường về cây trồng, với số tiền là 39.360.000 đồng.

* Hỗ trợ về nhà và công trình 100% giá trị:

Theo Quyết định số 1368/QĐ-UBND bà Phạm Thị G được bồi thường, hỗ trợ về nhà và công trình với số tiền 404.485.908 đồng.

Kết quả xác minh đối với nhà và công trình xây dựng sau ngày 01/7/2006 trên thửa đất số 52, tờ bản đồ số 31, mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01406 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H cấp cho bà Phạm Thị G ngày 15/10/2021. Nhà và công trình xây dựng không bị cơ quan có thẩm quyền ngăn chặn, xử lý.

* Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:

Ủy ban nhân dân thành phố N đã phê duyệt hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp tại Quyết định số 1725/QĐ-UBND theo đó bà G được phê duyệt hỗ trợ với số tiền là 142.466.040 đồng.

* Xét tái định cư:

Kết quả xác minh nhà của bà Phạm Thị G được xây dựng trên đất nông nghiệp, bà G không có sinh sống cũng như không có đăng ký thường trú hay tạm trú tại căn nhà nơi bị giải tỏa. Bà Phạm Thị G đăng ký thường trú tại địa chỉ: ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

- Đất của bà G bị ảnh hưởng dự án là đất trồng cây lâu năm đã được Ủy ban nhân dân thành phố bồi thường đúng theo Quyết định số 857/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh H về việc phê duyệt lại hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Khu đô thị M, phường N, thành phố N, do đó bà Phạm Thị G khiếu nại yêu cầu nâng giá đất bồi thường là sai.

- Đối với nhà và công trình của bà G được xây dựng trên đất nông nghiệp sau ngày 01/7/2006, Ủy ban nhân dân thành phố không bồi thường mà chỉ hỗ trợ 70% giá trị là đúng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H, do đó bà Phạm Thị G khiếu nại yêu cầu hỗ trợ về nhà và công trình 100% giá trị là sai.

- Đối với yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp: Bà G đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1725/QĐ-UBND với số tiền là 142.466.040 đồng.

- Bà Phạm Thị G không có sinh sống tại căn nhà bị giải tỏa, đồng thời bà cũng không có đăng ký thường trú hay tạm trú tại đây nên bà G không có di chuyển chỗ ở, do đó Ủy ban nhân dân thành phố không xem xét bố trí tái định cư cho bà là đúng theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh H sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H, do đó bà Phạm Thị G khiếu nại yêu cầu xem xét tái định cư là sai.

Từ những cơ sở trên, các yêu cầu khởi kiện của bà G là không có cơ sở theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân tỉnh H có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn HI trình bày: Việc ban hành quyết định về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất dự án: Khu đô thị M, phường N, thành phố N, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Luật đất đai, Nghị định số 44 của Chính phủ và Thông tư số 36 của Bộ trưởng Bộ T2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bạch Thế A và bà Phạm Thị Bảo Q (vợ của ông Thế A) cùng trình bày: Gia đình ông Thế A có 03 nhân khẩu gồm 2 vợ chồng và 01 người con (tên Bạch Thế B sinh năm 2015). Trước đây gia đình ông ở thuê tại căn nhà của chủ cũ (nhà và đất của bà G sang nhượng hiện tại) ở từ tháng 5/2020. Sau khi bà G sang lại đất và 02 căn nhà này thì gia đình ông được bà G giao 01 căn nhà cho quản lý và sử dụng đến khi nhà nước thu hồi đất (ông Thế A là cháu của bà G). Hiện nay, nhà nước quy hoạch giải tỏa toàn bộ đất và 02 căn nhà trên đất bị ảnh hưởng, gia đình ông không có nơi ở nào khác trên địa bàn thành phố N. Do đó, ông đề nghị xem xét cấp hoặc xét cho gia đình ông được mua 01 nền tái định cư theo quy định. Gia đình ông không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà G.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2024/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang đã quyết định:

1/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G:

- Hủy một phần Quyết định số: 1725/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Khu đô thị M, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang, phần liên quan đến bà Phạm Thị G.

- Hủy toàn bộ Quyết định số: 2004/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án: Khu đô thị M, phường N, thành phố N.

- Hủy một phần Quyết định số: 1911/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Phạm Thị G, phần liên quan đến hỗ trợ chuyển đổi nghề.

2/Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G về yêu cầu hủy Quyết định số: 1352/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị M phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang và một phần Quyết định số: 1368/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố N về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, phần liên quan đến bà G. Đồng thời không chấp nhận

nâng giá đất, giá trị nhà công trình lên 100% và không chấp nhận hỗ trợ tái định cư theo yêu cầu của bà Phạm Thị G.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/6/2024 người khởi kiện bà Phạm Thị G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà G. Người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Bản sơ thẩm cho rằng bà G biết việc thu hồi đất là không đúng. Theo quy định pháp luật thì giá bồi thường phải thông qua thủ tục đấu thầu, phải có đơn vị khảo sát giá đất. Trong trường hợp này không có quyết định của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh H giao cho Ủy ban nhân dân thành phố N để làm thủ tục về giá, nên giá bồi thường của Ủy ban nhân dân thành phố N là không đảm bảo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết khiếu nại thì khi giải quyết khiếu nại xong, Ủy ban nhân dân mới thực hiện đối thoại là không đúng.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày: Quá trình thu hồi đất, Ủy ban nhân dân thành phố N có ban hành 02 thông báo thu hồi đất vào ngày 10/5/2022 với 02 thửa là 52 và 95, trong đó, thửa 52 mang tên bà G, thửa 95 mang tên ông Trần Vũ P1 và bà Lê Thị Hồng Y, đến ngày 23/5/2023 được sửa đổi thông báo thu hồi đất sang tên cho bà Phạm Thị G. Bà G cho rằng không biết việc thu hồi đất, nhưng Ủy ban nhân dân thành phố N thực hiện việc kiểm kê, kiểm đếm tài sản trên đất thì bà G đã thống nhất diện tích và cây trồng trên đất. Trình tự thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân thành phố N đã thực hiện theo quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi của người dân.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện giữ nguyên nội dung đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh H: Việc xác định giá bồi thường, hỗ trợ là đúng quy định pháp luật về trình tự thủ tục xác định giá đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa nêu quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Xét thấy Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ và chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

- Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị G làm trong hạn luật định, đúng hình thức. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận về mặt hình thức.

- Về nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Bà G kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà G và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hồ sơ vụ án thể hiện quá trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố N khi thu hồi diện tích 1.605,2m² đất của bà Phạm Thị G, thuộc thửa 52, 95 và 197 loại đất CLN, tọa lạc tại Khu vực V, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang để thực hiện dự án Khu đô thị M, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang như sau:

Ngày 01/8/2023 Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số: 1352/QĐ-UBND thu hồi diện tích 1.605,2m² đất của bà Phạm Thị G, thuộc thửa 52, 95 và 197 loại đất CLN, tọa lạc tại Khu vực V, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 01/8/2023 Ủy ban nhân dân thành phố N có Quyết định số 1368/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, gia đình bà G được bồi thường với số tiền là 1.083.968.788 đồng. Bà G có khiếu nại. Ngày 05/10/2023 Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 1725/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho gia đình bà G với số tiền là 142.466.040 đồng. Ngày 18/10/2023 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N có Quyết định số 1911/QĐ-UBND với nội dung bác khiếu nại. Ngày 01/11/2023 Ủy ban nhân dân thành phố N tiếp tục ban hành Quyết định số 2004/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà G với số tiền giá trị cây trồng là 39.360.000 đồng. Bà G cho rằng việc bồi thường, hỗ trợ là chưa đảm bảo quyền lợi của người bị thu hồi đất, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ nêu trên.

[2] Bản án sơ thẩm nhận định:

[2.1] Quá trình thu hồi đất, Ủy ban nhân dân thành phố N có ban hành 02 thông báo thu hồi đất vào ngày 10/5/2022 với 02 thửa là 52 và 95, trong đó, thửa 52 mang tên bà G, thửa 95 mang tên ông Trần Vũ P1 và bà Lê Thị Hồng Y, đến ngày 23/5/2023 được sửa đổi thông báo thu hồi đất sang tên cho bà Phạm Thị G. Căn cứ Điều 67 Luật đất đai 2013 quy định “*trước khi có quyết định thu hồi đất, chậm nhất là 90 ngày đối với đất nông nghiệp, 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp...*”. Mặc dù thông báo thu hồi đất có thể hiện thu hồi thửa 95 của ông P1, bà Y, nhưng thực chất thửa đất số 95 này đã được chuyển nhượng cho bà G và bà cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đang canh tác, thời

điểm kiểm kê tài sản ngày 28/6/2022 bà G có chứng kiến, đoàn kiểm đếm đã kiểm kê toàn bộ diện tích nhà, cây trồng trên đất đầy đủ cho bà, cụ thể thửa 52 thể hiện diện tích nhà, thửa 95 thể hiện cây trồng trên đất, sơ đồ hình thể thửa đất, tổng diện tích thu hồi được xác định của hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà G cung cấp cho đoàn kiểm kê là phù hợp được bà G xác nhận đã đầy đủ. Hơn nữa, tại biên bản ngày 12/9/2023 bà G không còn khiếu nại việc thông báo thu hồi đất chỉ còn yêu cầu nâng giá đất, công trình nhà, chuyển đổi nghề và bồi thường cây trồng toàn bộ. Do vậy, việc thông báo thu hồi đất có sai tên chủ sử dụng đất, sau đó được điều chỉnh lại không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà G vì bà G đã biết bị thu hồi 02 thửa 52 và 95 từ trước khi nhận thông báo sửa đổi tên chủ sử dụng đất, Ủy ban nhân dân thành phố N đã kiểm kê đầy đủ tài sản trên đất.

[2.2] Đối với yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 1368/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, phần liên quan đến bà G, Quyết định số: 1725/QĐ-UBND phê duyệt bổ sung phương án bồi thường phần liên quan đến bà G, Quyết định số: 2004/QĐ-UBND phê duyệt bổ sung phương án bồi thường:

- Về yêu cầu nâng giá đất: Bà G bị thu hồi diện tích 1.605,2m² loại đất nông nghiệp, giá để tính bồi thường đất là giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kết hợp với cơ quan thẩm định giá và khảo sát giá tại địa phương tại thời điểm thu hồi đất. Căn cứ khoản 3 Điều 114 Luật đất đai năm 2013 quy định các cơ quan cấp tỉnh có trách nhiệm giúp Ủy ban tổ chức xác định giá đất cụ thể, việc thẩm định giá đất, khảo sát giá đất là của các cơ quan giúp việc, sau đó thông qua Hội đồng định giá để ban hành quyết định về giá cho cả dự án, căn cứ Văn bản số 4617 ngày 24/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh H (BL-792) về việc Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo UBND huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo trung tâm phát triển quỹ đất thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất, nên trung tâm phát triển quỹ đất thuê đơn vị tư vấn là không vi phạm thẩm quyền. Bà Phạm Thị G có yêu cầu nâng giá đất, nhưng không cung cấp được chứng cứ nào về việc giá đất có cao hơn so với giá Ủy ban nhân dân tỉnh đã khảo sát và ban hành giá đất cụ thể, nên không có căn cứ xem xét yêu cầu này.

- Về yêu cầu nâng giá công trình nhà lên 100%: Căn nhà của bà G xây dựng trên đất nông nghiệp, thời điểm xây dựng không bị lập biên bản hay có văn bản ngăn chặn của cơ quan có thẩm quyền, căn cứ điểm b khoản 3 Điều 14 Quyết định 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H quy định “Nhà công trình xây dựng từ ngày 01/7/2006...trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nhưng được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có văn bản xử lý...thì không được bồi thường, nhưng được hỗ trợ 70% giá trị xây dựng mới của nhà”. Do căn nhà của bà G xây dựng trên đất nông nghiệp, không phải là đất ở, nên Ủy ban nhân dân thành phố N hỗ trợ căn nhà của bà với giá trị 70% là đúng quy định.

- Về yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề toàn bộ đất nông nghiệp bị thu hồi: Tại Quyết định thu hồi đất số 1352/QĐ-UBND bà G bị thu hồi diện tích

1.605,2m² đất nông nghiệp, tuy nhiên, tại Quyết định số 1725/QĐ-UBND phê duyệt bổ sung hỗ trợ chuyển đổi nghề cho bà G với diện tích 1.319,13m² là còn thiếu 286,07m². Theo người bị kiện thì đây là diện tích xây dựng nhà, và bà G đã vi phạm mục đích sử dụng đất nên không hỗ trợ. Xét thấy, thời điểm bà G xây dựng nhà trên đất nông nghiệp chính quyền địa phương không có ý kiến, không có văn bản ngăn chặn, cũng như không có văn nào hướng dẫn khi thu hồi đất nông nghiệp phải trừ phần diện tích xây dựng công trình... Do vậy, việc Ủy ban nhân dân thành phố N không hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm đối với toàn bộ đất nông nghiệp bị thu hồi là chưa có căn cứ. Căn cứ Điều 84 Luật đất đai năm 2013, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, khoản 1 Điều 19 Quyết định 26 ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H thì yêu cầu của bà G về việc được hỗ trợ chuyển đổi nghề đối với toàn bộ đất nông nghiệp là được chấp nhận.

- Về yêu cầu bồi thường cây trồng toàn bộ theo thực tế, không đồng ý lựa chọn cây trồng chính: Tại thời điểm thu hồi đất thì Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh H về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định của Quyết định số 14/2019/QĐ-UBND đã có hiệu lực thi hành, tại điểm d1 khoản 8 Điều 1 Quyết định số 07/2022/QĐ-UBND quy định: *“Trường hợp trong vườn có nhiều loại cây trồng xen nhau và có giá trị khai thác kinh tế của cây hoặc các loại cây trồng kết hợp theo khuyến cáo của ngành nông nghiệp thì căn cứ vào từng loại cây để tính giá trị bồi thường, hỗ trợ trên cùng diện tích đất bị thu hồi”*. Căn cứ quy định trên thì Ủy ban nhân dân phải bồi thường theo từng loại cây cho bà G. Mặt khác, nếu bồi thường theo số lượng thực tế các loại cây thì nhiều hơn so với lựa chọn cây trồng chính và tính theo mật độ mà Ủy ban nhân dân đang áp giá bồi thường cho bà G. Do vậy, việc bồi thường cây trồng trên đất của Ủy ban nhân dân thành phố N có ảnh hưởng đến quyền lợi của bà G, nên yêu cầu khởi kiện của bà G về nội dung này là có căn cứ chấp nhận.

- Về yêu cầu hỗ trợ nền tái định cư: Bà G không có hộ khẩu thường trú hay tạm trú tại nơi có đất bị thu hồi, căn nhà này bà G cho ông Bạch Thế A thuê ở, bà cũng không phải di chuyển chỗ ở, không được chính quyền xác nhận ở liên tục 12 tháng, nên không đủ điều kiện để hỗ trợ tái định cư.

[2.3] Do yêu cầu của bà G về hỗ trợ chuyển đổi nghề trên toàn bộ diện tích đất nông nghiệp, bồi thường toàn bộ cây trồng theo kiểm đếm thực tế là được chấp nhận, nên chấp nhận một phần yêu cầu của bà G về việc hủy một phần quyết định giải quyết khiếu nại số 1911/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[3] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định đánh giá, xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và phán quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới làm khác bản chất vụ việc để chứng

minh cho yêu cầu kháng cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

I/Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị G;

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 23/2024/HC-ST ngày 24/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang;

Áp dụng Điều 62, 63, 84, 114 Luật Đất đai năm 2013; Điều 20, Điều 28 Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh H, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số: 01/2020/QĐ-UBND ngày 12/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh H; Quyết định số: 07/2022/QĐ-UBND ngày 25/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh H về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định đơn giá cây trồng, vật nuôi là thủy sản để định giá trị bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số: 14/2019/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh H; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G:

- Hủy một phần Quyết định số: 1725/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Khu đô thị M, phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang, phần liên quan đến bà Phạm Thị G.

- Hủy toàn bộ Quyết định số: 2004/QĐ-UBND ngày 01/11/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án: Khu đô thị M, phường N, thành phố N.

- Hủy một phần Quyết định số: 1911/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Phạm Thị G, phần liên quan đến hỗ trợ chuyển đổi nghề.

2/Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị G về yêu cầu hủy Quyết định số: 1352/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh

Hậu Giang về thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu đô thị M phường N, thành phố N, tỉnh Hậu Giang và một phần Quyết định số: 1368/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố N về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, phần liên quan đến bà G. Đồng thời không chấp nhận nâng giá đất, giá trị nhà công trình lên 100% và không chấp nhận hỗ trợ tái định cư theo yêu cầu của bà Phạm Thị G.

3/Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II/Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phạm Thị G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 00000271 ngày 05/6/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- NKK (1);
- NBK (2);
- NLQ (3);
- Lưu (5) 16b (NThuy).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên